

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-10-2018.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thành Long

Ông Nguyễn Minh Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vàng** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ngọc Niềm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 54/2018/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 84/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Danh N**, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã VQ, thị xã N, Sóc Trăng

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn C**, sinh năm 1985 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã MQ, thị xã N, Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Danh N trình bày như sau:**

Vào ngày 15/7/2010 chị và anh Nguyễn C đăng ký kết hôn tại UBND xã MQ, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng, thời gian sống chung vợ chồng chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Khi mới cưới thì vợ chồng chị chung

sống rất vui vẻ và hạnh phúc. Tuy nhiên kể từ khoảng tháng 01/2014 thì chị và anh C phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do anh C không chí thú làm ăn, không quan tâm đến vợ con, chị và anh C thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Vợ chồng chị bắt đầu sống ly thân từ khoảng tháng 12/2017 (âm lịch) cho đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không có ai biết.

Quá trình sống chung chị và anh C có một con chung là cháu Nguyễn A, sinh ngày 02/02/2008, hiện nay vợ chồng chị đã gửi con cho cha, mẹ anh C nuôi, khi chị nộp đơn ly hôn thì chị có hỏi cháu A là khi cha mẹ ly hôn con muốn sống với ai thì cháu A nói muốn sống với chị. Tuy nhiên do điều kiện hoàn cảnh hiện tại chị phải đi làm thuê thu nhập thấp, xa nhà không thể nuôi con được.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn C

Về con chung: chị đồng ý giao bé Nguyễn A cho anh C nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn C trình bày như sau:** Anh thống nhất lời trình bày của chị N về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Khi vợ chồng chung sống với nhau cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh cũng thừa nhận là anh sống còn vô tâm với vợ con, xem trọng tình nghĩa bạn bè nên để vợ khổ. Sau khi vợ chồng anh sống ly thân thì anh mới nhận ra là mình còn rất thương vợ nên anh không muốn ly hôn. Vợ chồng anh sống chung với nhau có 01 con chung là cháu Nguyễn A, sinh ngày 02/02/2008 hiện con sống chung với anh và cha mẹ từ nhỏ đến giờ, anh không muốn ly hôn nên anh không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn anh không có yêu cầu gì.

*** Phát biểu của kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị N và anh C sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được UBND xã MQ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị sống đầm ấm hạnh phúc, nhưng thời gian sau lại phát sinh mâu thuẫn chị N đã có lần nộp đơn xin ly hôn, sau đó rút lại đơn khởi kiện để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh C vẫn không sửa sai nên tại phiên tòa hôm nay chị kiên quyết xin ly hôn, xét đời sống chung của chị N và anh C đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên việc chị N xin ly hôn là có cơ sở đề nghị HĐXX cho chị N ly hôn với anh C

Về con chung: chị N và anh C sống chung có 01 đứa con chung tên Nguyễn A, hiện cháu sống với anh C và ông bà nội. Tại phiên tòa hôm nay chị N thay đổi yêu cầu là chị đồng ý giao con cho anh C nuôi và bé A cũng có nguyện vọng theo sống với

anh C khi cha mẹ ly hôn, nghĩ nên đề nghị giao con cho anh C nuôi. Về cấp dưỡng chị N đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của chị N. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân:

Chị Danh N và anh Nguyễn C sống chung trên cơ sở tự nguyện đã được Ủy ban nhân dân xã MQ, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63, ngày 15/7/2010. Do đó, hôn nhân của chị N và anh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đầm ấm hạnh phúc cũng có con chung nhưng thời gian không bao lâu lại phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày nên đã ly thân từ tháng 12/2017 âm lịch cho đến nay. Vì vậy, chị N đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn. Sau khi thụ lý Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh, chị để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng phía chị N nhất định ly hôn với anh C, chị cho rằng trước đây đã nộp đơn xin ly hôn nhưng đã rút đơn khởi kiện để cho anh C cơ hội sửa đổi nhưng anh C không khắc phục được gì. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc chị N yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở. Do đó, căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Danh N được ly hôn với anh Nguyễn C, để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[2] Về Con chung: Quá trình chung sống chị N và anh C có được 01 con chung là cháu Nguyễn A, sinh ngày 02/02/2008, hiện nay cháu A đang sống chung với anh C. Tại phiên tòa hôm nay chị N đồng ý giao con cho anh C nuôi, bé A cũng có nguyện vọng đồng ý khi cha mẹ ly hôn em theo sống với cha và ông, bà nội. Xét thấy, chị N hiện nay đang là công nhân, sống xa nhà, thu nhập hàng tháng không cao. Hơn nữa, bé A từ nhỏ đến nay theo sống với anh C và bên ông bà nội, hiện tại cuộc sống cháu vẫn phát triển tốt, cuộc sống ổn định, được đi học cho nên việc giao con cho anh C nuôi là phù hợp. Do đó, căn cứ vào Điều 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, giao cháu A cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị N không ai có quyền ngăn cản.

[3] Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt nhưng chị N đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Vì vậy căn cứ vào Điều 53, 54, 56, 92 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; mức cấp dưỡng bằng 50% mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định, mức lương cơ bản là 1.390.000đồng, nên mức cấp dưỡng là

695.000đồng/tháng. Về phương thức cấp dưỡng do các bên không thoả thuận được nên phương thức cấp dưỡng được ấn định là hàng tháng một lần, được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (18/10/2018) đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các bên đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình

- Về việc giải quyết vụ án:

Chị N và anh C sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn được UBND xã MQ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Về con chung chị N đồng ý giao con cho anh C nuôi và cháu A cũng có nguyện vọng là muốn sống với bên anh C, nghĩ nên đề nghị giao con cho anh C nuôi. Về mức cấp dưỡng chị N đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định nêu trên của HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Danh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 53, 54, 56, 89, Điều 92, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Danh N ly hôn với anh Nguyễn C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn A, sinh ngày 02/02/2008 cho anh Nguyễn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Danh N được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Chị Danh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/10/2018

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt xem xét giải quyết.

4. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Danh N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng. tiền án phí của chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001377 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Chị N còn phải nộp 300.000đồng tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh